

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2016 ĐẾN NGÀY 30/06/2016



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Quang Nam	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2016)
Ông Trần Khắc Hùng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2016)
Ông Nguyễn Giang Nam	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 07 năm 2016)
Ông Nguyễn Vũ Trọng Minh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 07 năm 2016)
Ông Nguyễn Thế Sơn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 07 năm 2016)
Ông Trịnh Hữu Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 07 năm 2016)
Ông Lê Phương Nam	Thành viên
Ông Võ Quang Phong	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Quang Nam	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2016)
Ông Lê Phương Nam	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2016)
Ông Nguyễn Thế Sơn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đặng Quang Nam

Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 08 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 18.08/2016/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sara Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam, được lập ngày 15 tháng 08 năm 2016, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sara Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-1
Thay mặt và đại diện cho
**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)**
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016


MẪU B 01a-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.332.965.119	10.694.739.976
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.504.114	22.597.600
1. Tiền	111	V.1	2.504.114	22.597.600
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.322.575.553	10.672.142.376
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.355.940.453	1.355.940.453
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	9.588.591.794	9.588.591.794
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.815.888.090	2.871.401.423
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(2.437.844.784)	(3.144.007.437)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	216.143
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.885.452	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.500.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		385.452	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.184.244.908	13.181.233.020
I. Tài sản cố định	220		3.310.867.813	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	3.310.867.813	-
- Nguyên giá	222		4.519.685.561	1.034.561.547
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.208.817.748)	(1.034.561.547)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		130.909.127	130.909.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(130.909.127)	(130.909.127)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.728.377.095	10.266.497.188
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	4.728.377.095	10.266.497.188
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	2.145.000.000	2.914.735.832
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.300.000.000	3.300.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.155.000.000)	(385.264.168)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		21.517.210.027	23.875.972.996

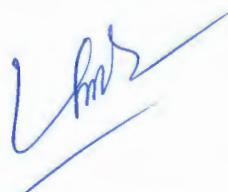
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU B 01a-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.560.489.526	11.236.055.056
I. Nợ ngắn hạn	310		5.373.020.060	5.048.585.590
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	2.152.677.627	2.222.677.627
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	121.615.000	121.615.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2.252.235.136	1.877.440.666
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		35.310.400	15.310.400
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	713.207.310	713.567.310
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		97.974.587	97.974.587
II. Nợ dài hạn	330		6.187.469.466	6.187.469.466
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	6.187.469.466	6.187.469.466
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		9.956.720.501	12.639.917.940
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	9.956.720.501	12.639.917.940
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.863.107.311	2.863.107.311
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(12.906.386.810)	(10.223.189.371)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(10.223.189.371)	(9.702.101.861)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.683.197.439)	(521.087.510)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		21.517.210.027	23.875.972.996



Nguyễn Thị Vân Anh
 Người lập biểu
 Ngày 15 tháng 08 năm 2016



Nguyễn Thị Vân Anh
 Kế toán trưởng




Đặng Quang Nam
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU B 02a-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	102.545.455	17.090.909
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	102.545.455	17.090.909
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	174.256.201	13.672.727
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(71.710.746)	3.418.182
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.204	2.338
6. Chi phí tài chính	22	VI.3	769.735.832	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	(578.511.415)	284.272.331
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(262.931.959)	(280.851.811)
9. Thu nhập khác	31		-	-
10. Chi phí khác	32	VI.5	2.420.265.480	-
11. Lợi nhuận khác	40		(2.420.265.480)	-
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.683.197.439)	(280.851.811)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.683.197.439)	(280.851.811)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	(1.342)	(140)
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(1.342)	(140)


 Nguyễn Thị Vân Anh
 Người lập biểu
 Ngày 15 tháng 08 năm 2016


 Nguyễn Thị Vân Anh
 Kế toán trưởng



Đặng Quang Nam
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU B 03a-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	112.800.000	320.002.338
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(89.506.690)	(1.328.776.375)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(93.030.000)	(242.042.700)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	50.000.000	1.419.428.364
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(360.000)	(232.094.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.096.690)	(63.482.973)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.204	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.204	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(20.093.486)	(63.482.973)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.597.600	124.872.765
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.504.114	61.389.792


Nguyễn Thị Vân Anh
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 08 năm 2016


Nguyễn Thị Vân Anh
Kế toán trưởng


Đặng Quang Nam
Tổng Giám đốc

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004132 ngày 12 tháng 04 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 05 năm 2015, Công ty chuyển số đăng ký kinh doanh từ số 0103004132 sang số 0101476469, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 2.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 10 tháng 01 năm 2008, Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước đã chính thức chấp thuận cho Công ty Cổ phần Sara Việt Nam được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã số cổ phiếu là SRA.

Tổng số lao động tại Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 04 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 04 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Buôn bán hàng vải sợi may mặc;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Buôn bán vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; đại lý phát triển dịch vụ ADSL; đại lý phát hành phim ảnh, chương trình phát thanh, truyền hình;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ ăn uống, giải khát;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận chuyển hành khách;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn về chuyên gia công nghệ trong lĩnh vực điện tử, tin học; Tư vấn về môi trường; đánh giá tác động môi trường;
- Lập trình máy vi tính. Chi tiết: Sản xuất phần mềm vi tính;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất); dịch vụ cho thuê nhà, cho thuê văn phòng;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo, dạy nghề ngoại ngữ, tin học, kỹ thuật viên công nghệ thông tin, chuyên viên công nghệ thông tin, kế toán máy, cơ khí (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn du học;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông, thủy lợi; Xây dựng cơ sở hạ tầng mạng viễn thông; xây dựng, kinh doanh dịch vụ khu công viên, khu vui chơi giải trí;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Tư vấn, cung cấp các dịch vụ cho thuê nguồn nhân lực công nghệ thông tin;

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Dịch vụ liên quan đến in: In và các dịch vụ liên quan đến in (trừ lĩnh vực Nhà nước cấm);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Khảo sát xây dựng các công trình giao thông đường bộ ;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính: sản xuất, lắp ráp máy tính, các thiết bị viễn thông.
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi: Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng máy vi tính và các thiết bị ngoại vi khác;
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Đại lý kinh doanh dịch vụ Internet, lắp đặt mạng LAN, WAN, đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông, cung cấp dịch vụ gia tăng trên mạng thông tin di động, đại lý kinh doanh game (trò chơi trực tuyến);
- Quảng cáo: Dịch vụ quảng cáo trên mạng Internet; dịch vụ quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá);
- Sản xuất linh kiện điện tử: sản xuất linh kiện, thiết bị điện dân dụng;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Buôn bán linh kiện, thiết bị điện dân dụng;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan: Dịch vụ cung cấp thông tin thị trường (Trừ loại thông tin Nhà nước cấm, dịch vụ điều tra); Dịch vụ cho thuê các quy trình nghiệp vụ (BPO);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh các dịch vụ giải trí truyền hình, báo chí;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Không bao gồm xuất khẩu vàng miếng và vàng nguyên liệu);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện, hội chợ triển lãm (không bao gồm tổ chức họp báo);
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu : Dịch vụ trung tâm cung cấp dữ liệu (DATA CENTER), trung tâm hỗ trợ qua điện thoại (CONTACT CENTER) (không bao gồm dịch vụ điều tra và cung cấp các loại thông tin Nhà nước cấm);
- Khai thác, xử lý, cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Tái chế phế liệu (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty có trụ sở đặt tại Phòng 205, khu đô thị Đại Kim, phường Định Công, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội. Đồng thời, Công ty không có Công ty con hay chi nhánh nào khác.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính::

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ban hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a-DN
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm hệ thống dự toán, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.840.002	21.736.492
Tiền gửi ngân hàng	664.112	861.108
Cộng	2.504.114	22.597.600

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường	825.180.000	825.180.000
Doanh nghiệp Tư nhân Phước Thủy	500.000.000	500.000.000
Các đối tượng khác	30.760.453	30.760.453
Cộng	1.355.940.453	1.355.940.453

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sara Hà Nội (*)	7.920.000.000	7.920.000.000
Công ty Cổ phần Delta	903.244.331	903.244.331
Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc Đô thị UAC	450.000.000	450.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sara 425	221.327.363	221.327.363
Các đối tượng khác	94.020.100	94.020.100
Cộng	9.588.591.794	9.588.591.794

(*) Đây là khoản trả trước theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng số 1206/2014/HĐKT/SRVN-SAHN ký ngày 12 tháng 6 năm 2014 giữa Công ty Cổ phần Sara Việt Nam và Công ty CP Sara Hà Nội về việc thực hiện cung cấp hệ thống phần mềm kế toán quản lý doanh nghiệp. Đến ngày 24 tháng 12 năm 2014 hai bên đã tiến hành nghiệm thu lần thứ nhất về việc bàn giao một phần hệ thống phần mềm theo Biên bản nghiệm thu ngày 24 tháng 12 năm 2014.

Hợp đồng số 3005/2014/HĐKT/SRVN-SRHN ký ngày 30 tháng 05 năm 2014 giữa Công ty CP Sara Việt Nam và Công ty CP Sara Hà Nội về việc thực hiện cung cấp hệ thống phần mềm kế toán điện toán đám mây online.

Theo biên bản thanh lý hợp đồng ký kết giữa Công ty Cổ phần Sara Việt Nam và Công ty Cổ phần Sara Hà Nội ngày 10 tháng 07 năm 2016, Công ty Cổ phần Sara Hà Nội đã chuyển trả lại tiền cho Công ty Cổ phần Sara Việt Nam vào ngày 25 tháng 07 năm 2016 và ngày 26 tháng 07 năm 2016. Hai hợp đồng này được thanh lý kể từ ngày Công ty Cổ phần Sara Hà Nội chuyển trả tiền cho Công ty Cổ phần Sara Việt Nam. Theo thỏa thuận này, toàn bộ chi phí đã phát sinh đã được nghiệm thu (2.000.000.000 đồng) sẽ do Công ty cổ phần Sara Việt Nam chịu. Do đó, để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, Công ty ghi nhận toàn bộ giá trị đã nghiệm thu là chi phí kỳ..

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a-DN
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tạm ứng	2.286.000.000	2.336.000.000
Trần Khắc Hùng	2.286.000.000	2.336.000.000
Phải thu khác	529.888.090	535.401.423
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sara 425	363.273.090	363.273.090
Đặng Đình Ban	150.000.000	150.000.000
Võ Quang Phong	10.000.000	10.000.000
Các đối tượng khác	6.615.000	12.128.333
Cộng	2.815.888.090	2.871.401.423

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Nợ xấu

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND		VND	VND	
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	3.394.561.437	956.716.653	2.437.844.784	3.394.561.437	250.554.000	3.144.007.437
Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường {i}	825.180.000	825.180.000	-	825.180.000	247.554.000	577.626.000
Doanh nghiệp tư nhân Phước Thủy	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sara 425	584.600.453	-	584.600.453	584.600.453	-	584.600.453
Công ty Cổ phần Delta	903.244.331	-	903.244.331	903.244.331	-	903.244.331
Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc Đô thị UAC	450.000.000	-	450.000.000	450.000.000	-	450.000.000
Các đối tượng khác {i}	131.536.653	131.536.653	-	131.536.653	3.000.000	128.536.653
Cộng	3.394.561.437	956.716.653	2.437.844.784	3.394.561.437	250.554.000	3.144.007.437

{i} Các khoản công nợ phải thu đã thu được tiền trong tháng 7 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2016	207.782.115	317.059.632	509.719.800	1.034.561.547
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.485.124.014	-	-	3.485.124.014
Tại ngày 30/06/2016	3.692.906.129	317.059.632	509.719.800	4.519.685.561
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2016	207.782.115	317.059.632	509.719.800	1.034.561.547
Khấu hao trong kỳ	174.256.201	-	-	174.256.201
Tại ngày 30/06/2016	382.038.316	317.059.632	509.719.800	1.208.817.748
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2016	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2016	3.310.867.813	-	-	3.310.867.813

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng là 1.034.561.547 đồng.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Dự án Vân Canh {i}	4.728.377.095	4.728.377.095
Dự án Datacenter	-	3.485.124.014
Dự án Mobipayment	-	52.996.079
Dự án phần mềm kế toán doanh nghiệp	-	2.000.000.000
Cộng	4.728.377.095	10.266.497.188

{i} Dự án Khu chức năng đô thị Sara tại thôn Đồng Nhĩ, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Chi phí của dự án là chi phí lương, chi phí tiếp khách và các chi phí mua ngoài khác. Từ năm 2015 đến nay, Công ty đang tiếp tục thực hiện các công việc liên quan để có thể triển khai dự án này trong thời gian tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Góp vốn vào Công ty cổ phần Borsmi	3.300.000.000	3.300.000.000
Giá trị vốn đầu tư	3.300.000.000	3.300.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.155.000.000)	(385.264.168)
Đầu tư tài chính dài hạn	2.145.000.000	2.914.735.832

Theo hợp đồng mua bán cổ phần ngày 10 tháng 01 năm 2011, Công ty Cổ phần Sara Việt Nam mua 330.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Borsmi (mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 đồng) với giá trị đầu tư là 3.300.000.000 đồng.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 cần được trình bày và được xác định giá trị hợp lý trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập báo cáo tài chính riêng và số lượng cổ phiếu mà Tập đoàn đang nắm giữ. Tuy nhiên do công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty này tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 chưa thể xác định được để trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Theo thỏa thuận mua bán cổ phần ngày 25 tháng 07 năm 2016 giữa ông Lê Tùng Lâm và Công ty Cổ phần Sara Việt Nam, Công ty Cổ phần Sara Việt Nam đã thực hiện chuyển nhượng 330.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Borsmi cho ông Lê Tùng Lâm, giá chuyển nhượng là 6.500 đồng/cổ phần, tổng giá trị hợp đồng là 2.145.000.000 đồng. Từ ngày 26 tháng 07 năm 2016 đến ngày 27 tháng 07 năm 2016, ông Lê Tùng Lâm đã trả tiền chuyển nhượng cổ phần cho Công ty Cổ phần Sara Việt Nam.

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Huệ Lộc	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH FANUC Việt Nam	21.615.000	21.615.000
Cộng	121.615.000	121.615.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty CP Đầu tư XD Công nghệ TM Sara	843.988.000	843.988.000	843.988.000	843.988.000
Trường ĐH CNTT-ĐHQG TP.HCM	423.712.527	423.712.527	423.712.527	423.712.527
Công ty Liên doanh Nền móng và Công trình	383.825.000	383.825.000	383.825.000	383.825.000
Các đối tượng khác	501.152.100	501.152.100	571.152.100	571.152.100
Cộng	2.152.677.627	2.152.677.627	2.222.677.627	2.222.677.627

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/06/2016 VND
Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	28.620.044	34.390.909	-	63.010.953
Thuế thu nhập doanh nghiệp	767.228.720	-	-	767.228.720
Thuế thu nhập cá nhân	44.263.032	-	-	44.263.032
Các loại thuế khác	1.037.328.870	340.403.561	-	1.377.732.431
Cộng	1.877.440.666	374.794.470	-	2.252.235.136

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn;	9.488.573	9.848.573
Bảo hiểm xã hội;	294.890.450	294.890.450
Bảo hiểm y tế;	37.911.451	37.911.451
Bảo hiểm thất nghiệp;	20.916.836	20.916.836
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	350.000.000	350.000.000
<i>Trong đó</i>		
- Công ty CP Đầu tư Vietnamnet	350.000.000	350.000.000
Cộng	<u>713.207.310</u>	<u>713.567.310</u>

13. Phải trả dài hạn khác

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sara	6.187.469.466	6.187.469.466
Cộng	<u>6.187.469.466</u>	<u>6.187.469.466</u>

Đây là khoản góp vốn của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sara theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 98/2011/HTKD về việc Hợp tác đầu tư, xây dựng, kinh doanh Dự án Xây dựng khu chức năng đô thị Sara tại Cầu Nôi, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Theo thanh lý hợp đồng Hợp đồng được ký kết giữa Công ty Cổ phần Sara Việt Nam và Công ty Cổ phần Tập đoàn Sara, ngày 26 tháng 07 năm 2016 Công ty Cổ phần Sara Việt Nam đã chuyển trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Sara số tiền là 6.187.469.466 đồng. Công ty Cổ phần Sara Việt Nam chịu các khoản chi phí của Dự án Xây dựng khu chức năng đô thị Sara.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	20.000.000.000	2.863.107.311	(9.702.101.861)	13.161.005.450
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	(521.087.510)	(521.087.510)
Số dư tại ngày 31/12/2015	20.000.000.000	2.863.107.311	(10.223.189.371)	12.639.917.940
Lãi/(Lỗ) trong kỳ	-	-	(2.683.197.439)	(2.683.197.439)
Số dư tại ngày 30/06/2016	20.000.000.000	2.863.107.311	(12.906.386.810)	9.956.720.501

b. Cổ phiếu

	30/06/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu.

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - bộ phận quản lý xây dựng, bộ phận quản lý hoạt động thiết kế website, phần mềm và bộ phận quản lý các hoạt động khác. Tuy nhiên, trong kỳ chỉ phát sinh doanh thu bộ phận hoạt động khác (chi tiết trong thuyết minh số VI.1 và VI.2). Do đó, Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Phòng 205, khu đô thị Đại Kim, phường Định Công, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội. Đồng thời, Công ty không có Công ty con hay chi nhánh nào khác.

Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	102.545.455	17.090.909
Cộng	<u>102.545.455</u>	<u>17.090.909</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	174.256.201	13.672.727
Cộng	<u>174.256.201</u>	<u>13.672.727</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	769.735.832	-
Cộng	769.735.832	-

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	93.030.000	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	23.566.231
Chi phí mua ngoài khác	31.421.038	150.735.876
Chi phí khác bằng tiền	3.200.200	109.970.224
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi (*)	(706.162.653)	-
Cộng	(578.511.415)	284.272.331

5. Chi phí khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Phạt nộp chậm thuế	337.403.561	-
Chi phí dự án Mobipaymnet không triển khai	52.996.079	-
Chi phí dự án phần mềm kế toán không triển khai (*)	2.000.000.000	-
Các khoản khác	29.865.840	-
Cộng	2.420.265.480	-

(*) Như đã trình bày tại thuyết minh V.3, hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Sara Việt Nam và Công ty Cổ phần Sara Hà Nội không tiếp tục thực hiện, do đó Công ty Cổ phần Sara Việt Nam phải chịu các chi phí phần mềm kế toán đã được nghiệm thu tại các kỳ kê toán trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a-DN
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.683.197.439)	(280.851.811)
Trừ phần trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.342)	(140)

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	93.030.000	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	174.256.201	23.566.231
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.421.038	150.735.876
Chi phí khác bằng tiền	3.200.200	123.642.951
Cộng	301.907.439	297.945.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a-DN
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn và các khoản phải thu ngắn hạn khác.

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Hệ số đòn bẩy tài chính

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.504.114	22.597.600
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	9.956.720.501	12.639.917.940
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,00%	0,00%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.504.114	22.597.600
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.022.555.453	1.083.334.439
Đầu tư dài hạn	2.145.000.000	2.914.735.832
Cộng	3.170.059.567	4.020.667.871
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	9.053.354.403	9.123.714.403
Chi phí phải trả	35.310.400	15.310.400
Cộng	9.088.664.803	9.139.024.803

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn và giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
30/06/2016			
Tiền	2.504.114	-	2.504.114
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.022.555.453	-	1.022.555.453
Đầu tư dài hạn	-	2.145.000.000	2.145.000.000
Cộng	1.025.059.567	2.145.000.000	3.170.059.567
30/06/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	2.865.884.937	6.187.469.466	9.053.354.403
Chi phí phải trả	35.310.400	-	35.310.400
Cộng	2.901.195.337	6.187.469.466	9.088.664.803
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.876.135.770)	(4.042.469.466)	(5.918.605.236)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2016			
Tiền	22.597.600	-	22.597.600
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.083.334.439	-	1.083.334.439
Đầu tư dài hạn	-	2.914.735.832	2.914.735.832
Cộng	1.105.932.039	2.914.735.832	4.020.667.871
01/01/2016			-
Phải trả người bán và phải trả khác	2.936.244.937	6.187.469.466	9.123.714.403
Chi phí phải trả	15.310.400	-	15.310.400
Cộng	2.951.555.337	6.187.469.466	9.139.024.803
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.845.623.298)	(3.272.733.634)	(5.118.356.932)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Trần Khắc Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sara 425	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sara	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Sara Hà Nội	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Borsmi	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Tập đoàn Sara

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 06 năm 2016:

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng	2.286.000.000	3.836.000.000
Ông Trần Khắc Hùng	2.286.000.000	2.336.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	363.273.090	363.273.090
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sara 425	363.273.090	363.273.090
Đầu tư dài hạn	3.300.000.000	3.300.000.000
Công ty Cổ phần Borsmi	3.300.000.000	3.300.000.000
Trả trước cho người bán	8.141.327.363	8.141.327.363
Công ty Cổ phần Sara Hà Nội	7.920.000.000	7.920.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư XD Sara 425	221.327.363	221.327.363
Phải trả dài hạn khác	6.187.469.466	6.187.469.466
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sara	6.187.469.466	6.187.469.466

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Các sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được điều chỉnh và trình bày trong Báo cáo tài chính như sau:

- Các khoản công nợ Phải thu khách hàng, Phải thu khác và Trả trước cho người bán đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi kỳ kế toán trước đã thu hồi được trong tháng 7 là 956.716.653 đồng.
- Công ty thực hiện chuyển nhượng khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Borsmi trong tháng 7 năm 2016, giá chuyển nhượng là 2.145.000.000 đồng.
- Hợp đồng hợp tác đầu tư Dự án xây dựng khu chức năng đô thị Sara giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Sara và Công ty Cổ phần Sara Việt Nam đã bị hủy trong tháng 7 năm 2016. Công ty Cổ phần Sara Việt Nam đã chuyển trả lại tiền cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Sara vào ngày 26 tháng 07 năm 2016.
- Các hợp đồng cung cấp phần mềm kế toán giữa Công ty Cổ phần Sara Việt Nam và Công ty Cổ phần Sara Hà Nội đã thanh lý trong tháng 7 năm 2016. Công ty Cổ phần Sara Hà Nội đã chuyển trả lại tiền cho Công ty Cổ phần Sara Việt Nam vào ngày 25 tháng 07 năm 2016 và ngày 26 tháng 07 năm 2016.

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 đã được soát xét.



Nguyễn Thị Vân Anh
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 08 năm 2016



Nguyễn Thị Vân Anh
Kế toán trưởng



Đặng Quang Nam
Tổng Giám đốc